TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:15/2025/DS-ST
Ngày: 14-5-2025
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thư**.
2. Bà **Phan Thị Thanh Dung**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Mỹ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên toà: Bà **Bùi Dạ Quyên** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Núi Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2024/TLST-DS ngày 18/12/2024 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐST - DS ngày 16 tháng 4 năm 2025, thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/2025/TB-TA ngày 27/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty J, địa chỉ: P S, quận b, tp H.

Điện theo pháp luật: Ông N, chức danh: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà TVN: Chức danh: Phó bộ phận Quản lý Công nợ (văn bản uỷ quyền số 65/2024/UQ-JIVF ngày 20/8/2024).

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Công ty T, địa chỉ: P C, tp H. Đại diện theo pháp luật: Ông NTC, chức danh: Giám đốc (văn bản uỷ quyền số 932/2024/UQ-JIVF-LM ngày 16/10/2024).

Công ty T uỷ quyền lại cho ông CNP, sinh năm: 1995 hoặc và ông LVT, sinh năm: 2000, cùng địa chỉ liên hệ: 01 Bg, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Q (hợp đồng uỷ quyền số 194/2024/UQ-LTT ngày 147/10/2024) hoặc/ và bà NTT, sinh năm: 2001, địa chỉ liên hệ: 54 L, thị trấn N, huyện N, tỉnh N (hợp đồng uỷ quyền số 197a/2024/UQ-LTT ngày 17/10/2024). Bà NTT có mặt.

- Bị đơn: Ông NVH, sinh năm: 1998, địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Q. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/12/2020, ông NVH có giao kết hợp đồng tín dụng số 25030001128451000 với nguyên đơn để vay tiền mua xe máy với hình thức trả góp hằng tháng. Số tiền vay 42.000.000 đồng. Lãi suất 29,76%/ năm. Thời hạn vay 24 tháng. Nguyên đơn đã giải ngân cho ông NVH theo thoả thuận tại phụ lục hợp đồng cho vay tiêu dùng số 25030001128451000 ngày 10/12/2020, ông NVH cũng đã nhận được tài sản. Theo thoả thuận tại hợp đồng, ông NVH có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc, lãi và phí trong vòng 24 tháng, mỗi tháng 2.343.152 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng, ngày thanh toán đầu tiên là ngày 12/01/2021.

Từ ngày 12/01/2021 đến ngày 12/8/2021 ông NVH thanh toán cho nguyên đơn được số tiền 16.415.000 đồng, gồm gốc 9.923.923 đồng và lãi 6.491.077 đồng. Từ sau ngày 12/8/2021 đến nay ông NVH không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nữa. Do vậy, nguyên đơn làm đơn yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông NVH phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 32.076.077 đồng và lãi. Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ gốc là 32.076.077 đồng và lãi tính đến ngày 14/5/2025 là 10.278.456 đồng, lãi quá hạn 10.278.507 đồng, tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu ông NVH phải thanh toán là 43.816.507 đồng.

Bị đơn NVH trình bày tại hồ sơ:

Ông NVH thừa nhận có giao kết hợp đồng tín dụng số 25030001128451000 với Công ty J để vay số tiền 42.000.000 đồng nhằm mục đích mua xe máy với lãi suất 2,48%/ tháng, mỗi tháng phải thanh toán 2.343.152 đồng. Từ ngày 12/8/2021 do ông NVH chấp hành án nên không thực hiện được việc trả nợ. Nay nguyên đơn khởi kiện thì ông NVH đồng ý trả nợ gốc 32.076.077 đồng và lãi tạm tính đến ngày 18/3/2025 là 10.278.456 đồng, lãi quá hạn 1.461.974 đồng, tổng cộng 43.816.507 đồng. Do hiện nay đang chấp hành án nên ông NVH đề nghị nguyên đơn xem xét giảm lãi cho ông. Ngoài ra ông NVH còn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông NVH phải trả cho nguyên đơn nợ gốc 32.076.077 đồng, nợ lãi lãi tính đến ngày 14/5/2025 là 10.278.456 đồng, lãi quá hạn 1.461.974 đồng, tổng cộng 43.816.507 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã thoả thuận. Ông NVH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là tổ chức tín dụng đã nộp đơn và các chứng cứ theo quy định, khởi kiện ông NVH, trú tại: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Q yêu cầu trả tiền vay và lãi vay. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về tố tụng: ông NVH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên phiên tòa xét xử vụ án vẫn được tiến hành vắng mặt ông NVH theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngày 14/12/2020, ông NVH có giao kết hợp đồng tín dụng số 25030001128451000 với nguyên đơn để vay tiền mua xe máy với hình thức trả góp hằng tháng. Số tiền vay 42.000.000 đồng. Lãi suất 29,76%/ năm. Thời hạn vay 24 tháng. Nguyên đơn đã giải ngân cho ông NVH theo thoả thuận tại phụ lục hợp đồng cho vay tiêu dùng số 25030001128451000 ngày 10/12/2020, ông NVH cũng đã nhận được tài sản. Theo thoả thuận tại hợp đồng, ông NVH có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc, lãi và phí trong vòng 24 tháng, mỗi tháng 2.343.152 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng, ngày thanh toán đầu tiên là ngày 12/01/2021. Tuy nhiên, đến nay ông NVH chỉ mới thanh toán đến ngày 12/8/2021, từ sau ngày 12/8/2021 đến nay ông NVH không trả thêm khoản nợ nào. Như vậy, ông NVH đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được thoả thuận giữa hai bên cũng như Điều 466 Bộ luật dân sự. Việc Công ty J khởi kiện yêu cầu ông NVH có nghĩa vụ trả nợ gốc 32.076.077 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến thời điểm xét xử ngày 14/5/2025 là 10.278.456 đồng, lãi quá hạn 1.461.974 đồng, tổng cộng 43.816.507 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thoả thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Ông NVH có ý kiến tại hồ sơ, đề nghị nguyên đơn xem xét giảm tiền lãi cho ông, tuy nhiên đại diện nguyên đơn không thống nhất nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông NVH phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017 (điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024); Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty J về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" với ông NVH.

1/ Buộc ông NVH phải trả cho Công ty J số nợ gốc 32.076.077 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến thời điểm xét xử ngày 14/5/2025 là 10.278.456 đồng, lãi trên số nợ gốc quá hạn 1.416.974 đồng. Tổng số tiền ông NVH phải trả cho Công ty J là 43.816.507 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/5/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 25030001128451000 được giao kết giữa Công ty J và ông NVH cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm 2.190.800 đồng ông NVH phải nộp.

Hoàn lại cho Công ty J số tiền tạm ứng án phí 1.190.000 (*một triệu một trăm chín mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0006953 ngày 18/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Núi Thành;*
- *THA huyện Núi Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Thuỳ